

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	ĐQT	ĐT	ĐHP
1	2121260048	Nguyễn Tuấn	Anh	CCQ2126B	7.5	6.2	6.7
2	2121260028	Nguyễn Quốc	Bảo	CCQ2126A	7.5	6.8	7.1
3	2121260059	Trần Đức	Cảnh	CCQ2126B	7.5	6.6	7
4	2121260021	Đặng Thị Lang	Chi	CCQ2126A	8.5	6.6	7.4
5	2120170180	Phụng Minh	Chiến	CCQ2017F	8.5		
6	2120170183	Lê Quang	Dũng	CCQ2017F	7.5	8	7.8
7	2120170110	Đỗ Ngọc	Duy	CCQ2017D	8.5	8	8.2
8	2121260006	Phan Chấn	Duy	CCQ2126A	7.5	7.4	7.4
9	2121260033	Đào Quang	Dương	CCQ2126A	7.5	7	7.2
10	2121260031	Trương Thị	Đào	CCQ2126A	8.5	6.2	7.1
11	2121260020	Nguyễn Thị	Điệp	CCQ2126A			
12	2120170711	Nguyễn Đình	Đức	CCQ2017L	8	7	7.4
13	2121260026	Nguyễn Thị	Hạnh	CCQ2126A			
14	2121260063	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	CCQ2126B	8	8.2	8.1
15	2119030179	Đàm Văn	Hậu	CCQ1903F	8	6.6	7.2
16	2120170759	Đỗ Trọng	Hiền	CCQ2017D	7	7.8	7.5
17	2121260055	Phan Thị Diệu	Hiền	CCQ2126B			
18	2121172007	Phan Công	Hiển	CCQ2112K	7.5	5.6	6.4
19	2121260034	Hoàng Thị	Hiếu	CCQ2126A	8	7.8	7.9
20	2120170395	Trần Văn	Hiếu	CCQ2017L	8	6.6	7.2
21	2120170084	Võ Khánh	Hòa	CCQ2017C	7.5	5.6	6.4
22	2121120354	Cao Văn	Hoàng	CCQ2112K			
23	2121260005	Trần Thị	Hồng	CCQ2126A	7.5	7.2	7.3
24	2121260011	Trần Thanh	Hùng	CCQ2126A	8.5	6.6	7.4
25	2120170364	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Huy	CCQ2017K	8	4.2	5.7
26	2120170399	Nguyễn Văn	Huy	CCQ2017L	7.5	6	6.6
27	2120170086	Nguyễn Thanh	Hưng	CCQ2017C	8	6.8	7.3
28	2120170402	Nguyễn Đỗ Hồng	Kha	CCQ2017L	7.5	7.4	7.4
29	2120130011	Trần Thị	Linh	CCQ2013A	8.5	7	7.6
30	2121260032	Trần Thị Ánh	Linh	CCQ2126A	8	7	7.4
31	2121260062	Bùi Thị Cẩm	Loan	CCQ2126B	8	7.2	7.5
32	2121260061	Trần Lê Cẩm	Ly	CCQ2126B	8	7.4	7.6
33	2121260035	Nguyễn Thị Thu	Minh	CCQ2126A	7.5	6.8	7.1
34	2121260017	Lê Phạm Diễm	My	CCQ2126A	8	6.6	7.2
35	2121260058	Nguyễn Hoàng Thảo	My	CCQ2126B	8	7	7.4
36	2120170091	Nguyễn Trần Nhật	Nam	CCQ2017C	8	7	7.4
37	2121260027	Võ Như	Nga	CCQ2126A	7.5	7.4	7.4
38	2121260019	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	CCQ2126A	8	5.8	6.7
39	2121260030	Trần Tùng	Nguyên	CCQ2126A	8	8	8
40	2121260069	Lê Hoài Tâm	Nguyệt	CCQ2126B	7.5	6.8	7.1
41	2121260002	Trần Yến	Nhi	CCQ2126A	6.5	7	6.8
42	2120130017	Lê Thị Thanh	Nho	CCQ2013A	7.5	4.2	5.5
43	2121260067	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	CCQ2126B	8.5	7.6	8
44	2121260029	Vũ Nguyễn Hoàng	Nhung	CCQ2126A	7.5	8	7.8
45	2121260049	Lâm Nữ Tâm	Như	CCQ2126B	7.5	8.4	8
46	2121260001	Huỳnh Duy	Phong	CCQ2126A	8	7.8	7.9

47	2121260043	Cao Thị Kiều	Phú	CCQ2126B	8	6.6	7.2
48	2120170449	Lê Nguyễn Hoàng	Phúc	CCQ2017M	8	6.4	7
49	2120170450	Nguyễn Thanh	Phước	CCQ2017M	7.5	5.2	6.1
50	2120170199	Hán Văn	Quang	CCQ2017F	7.5	6.4	6.8
51	2121260046	Võ Thị	Quyên	CCQ2126B	6.5	8	7.4
52	2120150024	Nguyễn Ngọc	Quyên	CCQ2015A	7.5	8.2	7.9
53	2121260037	Hồ Nguyễn Như	Quỳnh	CCQ2126B	7.5	7.4	7.4
54	2120170414	Đỗ Minh	Sang	CCQ2017L	8.5	6.6	7.4
55	2120170512	Trần Đức	Sinh	CCQ2017O	8	8.6	8.4
56	2120170415	Trần Nguyễn Thái	Sơn	CCQ2017L	7.5	6.8	7.1
57	2121260015	Nguyễn Thị Thu	Sương	CCQ2126A	8.5	7.2	7.7
58	2121260053	Trần Thị Tuyết	Sương	CCQ2126B	8.5	6	7
59	2121260038	Lê Đức	Tài	CCQ2126B	7.5	7	7.2
60	2121260070	Lê Thị Mỹ	Tâm	CCQ2126B	7.5	7.4	7.4
61	2121260013	Huỳnh Phạm Phương	Thảo	CCQ2126A	7.5	6.6	7
62	2121260054	Lê Xuân	Thảo	CCQ2126B			
63	2120170096	Trần Quốc	Thắng	CCQ2017C	7.5	7.4	7.4
64	2121260042	Đào Thị Duy	Thúy	CCQ2126B			
65	2121260025	Hoàng Thị Minh	Thúy	CCQ2126A	7.5	8	7.8
66	2121260057	Mai Thị Mỹ	Tiên	CCQ2126B	7.5	3.8	5.3
67	2121260012	Văn Nguyễn Huyền	Trang	CCQ2126A	8	6.2	6.9
68	2121260065	Đỗ Ngọc	Trâm	CCQ2126B			
69	2121260044	Dương Thị	Trinh	CCQ2126B	7.5	5.4	6.2
70	2121260039	Hà Thị Đang	Trinh	CCQ2126B			
71	2121260056	Lê Thị Nguyệt	Trinh	CCQ2126B	7.5	7.8	7.7
72	2121260060	Nguyễn Phạm Hồng	Trinh	CCQ2126B	8	6.8	7.3
73	2121260010	Đào Thanh	Trúc	CCQ2126A	8	7.4	7.6
74	2121260045	Huỳnh Trần Thanh	Trúc	CCQ2126B	8.5	6.6	7.4
75	2120170139	Nguyễn Mạnh	Tú	CCQ2017D	9	6.8	7.7
76	2121260041	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	CCQ2126B	7.5	6.6	7
77	2121260022	Nguyễn Thị	Vân	CCQ2126A	7.5	8	7.8
78	2121260008	Lữ Mai Tường	Vi	CCQ2126A	8	6.2	6.9
79	2121260007	Trần Thị Yến	Vi	CCQ2126A	8	7	7.4
80	2120170106	Võ Quang	Vinh	CCQ2017C	7.5	7.4	7.4
81	2120170670	Chu Quốc	Vũ	CCQ2017C	7.5	7.2	7.3
82	2121260016	Nguyễn Hoàng	Vũ	CCQ2126A	8	6.6	7.2
83	2120170141	Nguyễn Anh	Vỹ	CCQ2020J	8	6.4	7
84	2121260052	Nguyễn Thị Bích	Xuân	CCQ2126B	8.5	6.6	7.4
85	2121260051	Hà Như	Ý	CCQ2126B	8	7.2	7.5
86	2121260014	Lương Thị	Ý	CCQ2126A	7.5	7.8	7.7
87	2120170714	Mông Văn	Thái	CCQ2017L	7.5	7.8	7.7

